

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm (01/01/2008)	Số dư cuối năm (31/12/2008)
I	Tài sản ngắn hạn	1.049.679.548.930	1.043.003.268.594
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	43.612.980.389	37.690.296.450
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	895.800.089.112	901.600.806.471
4	Hàng tồn kho	94.074.085.485	99.181.921.849
5	Tài sản ngắn hạn khác	16.192.393.944	4.530.243.824
II	Tài sản dài hạn	770.182.838.064	721.159.447.260
1	Các khoản phải thu dài hạn	143.902.816.051	126.702.772.088
2	Tài sản cố định	209.478.923.672	375.178.164.091
	- Tài sản cố định hữu hình	33.119.960.669	222.829.743.595
	- Tài sản cố định vô hình	0	1.017.342.993
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	176.358.963.003	151.331.077.503
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	409.005.355.657	192.127.345.148
5	Tài sản dài hạn khác	7.795.742.684	27.151.165.933
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.819.862.386.994	1.764.162.715.854
IV	Nợ phải trả	1.447.571.057.662	1.446.556.284.817
1	Nợ ngắn hạn	718.504.335.295	509.356.694.857
2	Nợ dài hạn	729.066.722.367	937.199.589.960
V	Vốn chủ sở hữu	372.291.329.332	317.606.431.037
1	Vốn chủ sở hữu	369.537.879.574	312.076.273.981
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	2.725.000.000	2.725.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(17.943.040.000)	(17.943.040.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	3.002.940.963	5.081.589.561
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	61.752.978.611	2.212.724.420
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.753.449.758	5.530.157.056
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.753.449.758	5.530.157.056
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.819.862.386.994	1.764.162.715.854



II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.619.148.980	366.102.075.550
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	288.004.715	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.331.144.265	366.102.075.550
4	Giá vốn hàng bán	204.012.778.250	313.890.602.519
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.318.366.015	52.211.473.031
6	Doanh thu hoạt động tài chính	36.378.970.748	22.262.142.417
7	Chi phí tài chính	85.745.748.056	26.769.974.811
8	Chi phí bán hàng	1.284.078.123	414.910.768
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.750.786.216	16.217.992.991
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(47.083.275.632)	31.070.736.878
11	Thu nhập khác	72.121.133.637	55.793.718.424
12	Chi phí khác	29.617.238.462	23.524.032.086
13	Lợi nhuận khác	42.503.895.175	32.269.686.338
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.579.380.457)	63.340.423.216
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	1.415.691.342
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.579.380.457)	61.924.731.874
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(144,36)	1.952
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	1.500



V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008
Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	42,32	40,88
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	57,68	59,12
Cơ cấu nguồn vốn				
2	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	79,54	82,00
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	20,46	18,00
Khả năng thanh toán				
3	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,33	1,85
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,46	2,05
Tỷ suất lợi nhuận				
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3,40	(0,26)
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	16,91	(2,02)
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	16,63	(1,44)

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 04 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Đức Hồng

